TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐẮK NÔNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 31/2021/DS-PT
Ngày 21-7-2021
"V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản."

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Ông Lương Đức Dương

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Tài Sử và ông Lê Quốc Hương

- Thư ký phiên toà: Bà Trương Thị Diễm My là Thư ký viên Toà án nhân dân tỉnh Đăk Nông.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Sơn – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 7 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông, xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 26/2021/TLPT-DS ngày 07 tháng 6 năm 2021 về việc: *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"*.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 07/2021/DS-ST ngày 28-4-2021 của Toà án nhân dân huyện Đăk Glong, tỉnh Đăk Nông bị kháng cáo, kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 32/2021/QĐ-PT ngày 14 tháng 6 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 50/2021/QĐ-PT ngày 08 tháng 7 năm 2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Trần Thị Cẩm T, sinh năm 1954; địa chỉ: Thôn A, xã Q, huyện G, tỉnh Đăk Nông – Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: Anh Lương Văn M, sinh năm 1988; địa chỉ: Thôn B, xã Q, huyện G, tỉnh Đăk Nông (Văn bản ủy quyền ngày 18/9/2020) – Có mặt.

2. Bị đơn: Ông K'S, sinh năm 1966 và bà H'N, sinh năm 1971; địa chỉ: Thôn A, xã Q, huyện G, tỉnh Đăk Nông – Đều vắng mặt.

3. Người kháng cáo: Nguyên đơn bà Trần Thị Cẩm T.

4. Viện kiểm sát kháng nghị: Viện kiểm sát nhân dân huyện Đăk Glong.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Đơn khởi kiện ngày 05-10-2020 của bà Trần Thị Cẩm T và trong quá trình giải quyết vụ án người đại diện theo ủy quyền anh Lương Văn M trình bày:

Ngày 30-10-2017, bà Trần Thị Cẩm T cho ông K'S và bà H'N vay 1.700.000.000đồng, thời gian hẹn trả là 10 ngày. Đến hạn ông K'S và bà H'N không trả nợ và hứa hẹn nhiều lần. Ngày 22-8-2018, ông K'S và bà H'N tiếp tục viết giấy hẹn sẽ trả nợ vào cuối tháng 9 năm 2018. Tuy nhiên, ông K'S và bà H'N vẫn chưa trả số tiền trên cho bà T. Do đó, bà T khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông K'S và bà H'N phải trả cho bà số tiền 1.700.000.000đồng, không yêu cầu tính lãi suất.

2. Trong quá trình giải quyết vụ án, bà H'N và ông K'S trình bày: Năm 2017, giữa bà H'N và bà T có thỏa thuận miệng góp vốn kinh doanh. Khi nào bà H'N cần tiền nhập hàng hóa thì gặp bà T nhận tiền, không xác định cụ thể mỗi lần là bao nhiêu, tùy thuộc vào số lượng hàng hóa đã nhập. Mỗi lần lấy tiền đều viết giấy vay, nội dung ghi theo yêu cầu của bà T: vay 1.000.000 đồng thì ghi thành 3.000.000 đồng, các giấy vay do bà T giữ. Tính đến ngày 30-10-2017, bà H'N đã nhận của bà T tổng số tiền là 600.000.000 đồng nhưng viết giấy nhận nợ là 1.700.000.000 đồng. Chữ viết, chữ ký trong "Giấy nhận nợ" ngày 30-10-2017, "Giấy hẹn nợ" ngày 22-8-2018 là do bà H'N viết và ký tên, chữ "Ks" là do bà H'N viết vì ông K'S không có mặt. Việc vay tiền của bà H'N thì ông K'S có biết, mục đích vay phục vụ công việc kinh doanh chung của gia đình. Bà H'N đồng ý trả cho bà T số tiền 1.000.000.000 đồng bao gồm 600.000.000 đồng tiền gốc và lãi phát sinh.

Bản án dân sự sơ thẩm số: 07/2021/DS-ST ngày 28-4-2021 của Toà án nhân dân huyện Đăk Glong, tỉnh Đăk Nông quyết định: Căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 463 và Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12; khoản 4 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án, quyết định: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Cẩm T, buộc bà H'N và ông K'S phải trả cho bà T số tiền 1.000.000.000đồng.

Ngoài ra, Hội đồng xét xử Toà án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí và thông báo quyền kháng cáo.

Ngày 13-5-2021, nguyên đơn bà Trần Thị Cẩm T kháng cáo bản án và Viện kiểm sát nhân dân huyện Đăk Glong kháng nghị, cùng nội dung: Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xét xử theo hướng sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà T.

Tại phiên toà phúc thẩm, anh M vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và nội dung kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn và chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đăk Glong: Buộc bà H'N và ông K'S trả bà Trần Thị Cẩm T số tiền 1.700.000.000đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên toà phúc thẩm, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện các chứng cứ, ý kiến các đương sự, quan điểm giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1]. Tòa án nhân dân tỉnh Đăk Nông đã tống đạt hợp lệ cho bị đơn các văn bản: Thông báo thụ lý vụ án, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa. Tuy nhiên, ông K'S và bà H'N vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2]. Hội đồng xét xử nhận định nội dung kháng cáo của nguyên đơn và kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đăk Glong:

[2.1]. Trong quá trình giải quyết vụ án bà H'N thừa nhận "*Giấy nhận nợ"* ngày 30-10-2017 và "*Giấy hẹn nợ*" ngày 22-8-2018 đều do bà viết, ký tên và hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc. Tuy nhiên, bà H'N cho rằng bà T góp vốn kinh doanh chung và cho vay nhiều lần với tổng số tiền 600.000.000 đồng nhưng viết giấy nợ gấp 03 lần theo yêu cầu của bà T. Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đăk Nông bà H'N và ông K'S khai vay của bà T nhiều lần tổng số tiền là 800.000.000đồng để góp vốn kinh doanh với người khác, bà T yêu cầu ghi thành 1.600.000.000đồng, ngoài ra còn nợ tiền mua hàng hóa của bà T nên đã ghi số nợ là 1.700.000.000đồng. Tuy nhiên, ông K'S và bà H'N không cung cấp được chứng cứ chứng minh về việc bà T yêu cầu ghi số tiền gấp 02 lần số tiền ông, bà đã vay.

[2.2]. Trước khi khởi kiện bà Trần Thị Cẩm T đã có đơn tố giác bà H'N tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đăk Nông. Ngày 28-4-2018, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đăk Nông đã ban hành Quyết định số: 34/PC45 về việc không khởi tố vụ án. Báo cáo kết thúc xác minh số 19/PC45 ngày 28-4-2018 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đăk Nông và Kết luận số: 4170/KL-VKS-P3 ngày 07-11-2018 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đăk Nông về việc giải quyết tố giác của bà Trần Thị Cẩm T đã kết luận, nội dung: Trong khoảng thời gian từ tháng 7 năm 2014 đến tháng 6 năm 2016 bà Trần Thị Cẩm T đã cho vợ chồng bà H'N và ông K'S vay 40 lần với tổng số tiền 1.615.000.000đồng, 02 chỉ vàng 24K. Mặt khác, bà H'N còn nợ bà T tiền mua bán hàng hóa, sau đó hai bên chốt nợ thành số tiền 1.700.000.000đồng. Mục đích bà H'N và ông K'S vay mượn tiền của bà T để góp vốn với người khác mua bán bình cổ bằng đồng lạnh tại tỉnh Bình Thuận. Khi vay tiền bà H'N có hứa hẹn với bà T sau khi bán được bình cổ đồng lạnh sẽ cho bà T từ 200.000.000đồng đến 1.000.000.000đồng, nhưng sự việc không thành.

[2.3]. Như vậy, Hội đồng xét xử có căn cứ kết luận: Giữa bà T với ông K'S và bà H'N có quan hệ vay mượn và mua bán hàng hóa nhiều lần. Ngày 30-10-2017 và ngày 22-8-2018 bà H'N đã viết *"Giấy nhận nợ"* số tiền 1.700.000.000đ (*Một tỷ bảy trăm triệu đồng*) hẹn trả nợ cuối tháng 9 năm 2018 nhưng không thực hiện được nội dung đã cam kết. Do đó, bản án sơ thẩm căn cứ

lời trình bày của bà H'N đồng ý trả bà T 600.000.000đồng tiền gốc và 400.000.000đồng tiền lãi để buộc bà H'N và ông K'S trả bà T tổng số tiền 1.000.000.000đồng là không đúng pháp luật. Do vậy, có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn và kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đăk G'long: Buộc ông K'S và bà H'N trả bà T số tiền 1.700.000.000đ (*Một tỷ bảy trăm triệu đồng*).

[3]. Về án phí: Do kháng cáo được chấp nhận nên bà T không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm và được trả lại tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp. Đối với ông K'S và bà H'N có đơn đề nghị miễn án phí dân sự sơ thẩm (bút lục số 55), thuộc trường hợp được xem xét miễn án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, cụ thể: Quyết định số: 861/QĐ-TTg ngày 04-6-2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt danh sách các xã khu vực III thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2015 thì xã Q, huyện G thuộc xã vùng III (xã đặc biệt khó khăn quy định tai Điều 3 của Quyết định số: 33/2020/QĐ-TTg ngày 12-11-2020 của Thủ tướng Chính phủ).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 2 Điều 308; Điều 309 của Bộ luật Tố tụng dân sự: Chấp nhận kháng cáo của bà Trần Thị Cẩm T và kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đăk Glong, tỉnh Đăk Nông, sửa Bản án dân sự sơ thẩm số: 07/2021/DS-ST ngày 28-4-2021 của Toà án nhân dân huyện Đăk Glong, tỉnh Đăk Nông.

1.1. Căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 3 Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự; áp dụng Điều 463 và Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Cẩm T, buộc bà H'N và ông K'S phải trả cho bà Trần Thị Cẩm T số tiền 1.700.000.000đ (*Một tỷ bảy trăm triệu đồng*). Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành còn phải chịu tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015.

1.2. Về án phí: Căn cứ Điều 147 và khoản 2 Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự; áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12 , khoản 2 Điều 29 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án:

1.2.1. Miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm đối với ông K'S và bà H'N.

1.2.2. Trả lại bà Trần Thị Cẩm T 31.500.000đ (*Ba mươi mốt triệu năm trăm ngàn đồng*) tiền đã nộp tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm theo Biên lai số: 0002690 ngày 19-10-2020 và 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*) tiền tạm ứng án

phí dân sự phúc thẩm đã nộp theo Biên lai số: 0005898 ngày 21-5-2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đăk Glong, tỉnh Đăk Nông.

2. Đối với những quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND cấp cao tại Tp.HCM;
- VKSND tỉnh Đăk Nông;
- TAND huyện Đăk Glong;
- VKSND huyện Đăk Glong;
- Chi cục THADS huyện G;
- Đương sự;
- Lưu THCTP, TDS, HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

(Đã ký và đóng dấu)

Lương Đức Dương